| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ DĨ AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 07/2018/KDTM-ST<br>Ngày: 26-3-2018<br>V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Tâm;

Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Mỹ Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/3/2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLST-KDTM ngày 06/12/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-KDTM ngày 29/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH In Ấn M ; trụ sở: Số 11, đường N3, khu công nghiệp S, phường P, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Hồ Ngọc N , sinh năm 1979; thường trú: 351/31, đường B, phường 6, quận 8, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2018). Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH P; trụ sở: Đường số 10, tổng kho ngân hàng T, khu công nghiệp S, thị xã D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1948; thường trú: 271/109/59, đường Q, phường 10, quận G, Thành phố H. Địa chỉ liên hệ: Đường số 10, tổng kho Ngân hàng T , khu công nghiệp S , phường D, thị xã D, tỉnh B. Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2018. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*- Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phan H ồ Ngọc N trình bày:*

Công ty TNHH In Ấn M (sau đây gọi tắt là công ty M) là doanh nghiệp có chức năng sản xuất, in ấn các loại bao bì, biểu mẫu, các loại nhãn dán theo các mẫu thiết kế và yêu cầu của khách hàng. Ngày 02/01/2016, công ty M ký hợp đồng nguyên tắc số 352016/HĐNT-IT với công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là công ty P). Theo hợp đồng, công ty M sẽ thực hiện theo các đơn đặt hàng của công ty P gửi đến từng lần đặt hàng yêu cầu cung cấp các loại hộp. Chi tiết hàng hóa, số lượng, giá cả và các điều khoản khác sẽ được chỉ rõ trong các đơn đặt hàng tương ứng. Phương thức thanh toán bằng mặt hoặc chuyển khoản, thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên mua nhận đầy đủ hàng hóa và hóa đơn tài chính do bên bán phát hàng cho bên mua . Ngoài ra, hợp đồng còn thỏa thuận về quy cách , phẩm chất, đóng gói, nghiệm thu, quy định đổi trả hàng và trách nhiệm của các bên. Hiệu lực hợp đồng từ ngày 02/01/2016 đến hết ngày 31/12/2016, hết thời hạn trên nếu các bên không có ý kiến gì thì Hợp đồng được tự động kéo dài 12 tháng tiếp theo và tối đa không quá 02 năm.

Sau khi hợp đồng hết hạn , hai bên vẫn tiếp tục h ợp đồng với nhau đ ến tháng 5/2017. Công ty M đã hoàn thành việc in ấn, cung cấp, giao hàng và giao hóa đơn đầy đủ cho công ty P. Tuy nhiên, công ty P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của mình như quy định tại Điều 5 và khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng.

Tổng số tiền hàng đến thời điểm hiện nay công ty P chưa thanh toán cho công ty M là 801.239.127 đồng.

Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty P thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 846.827.616 đồng, trong đó nợ gốc là 801.239.127 đồng và nợ lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính là 45.588.489 đồng.

*- Tại bản tự khai ngày 12/01/2018 và tại phiên tòa ngư ời đại diện hợp pháp bị đơn ông Đặng Văn Đ trình bày*: Thống nhất với đại diện nguyên đơn về hợp đồng đã ký kết và số tiền hàng hóa công ty P chưa thanh toán là 801.239.127 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 45.588.489 đồng như công ty M trình bày. Do Công ty P hiện nay đang khó khăn về tài chính, đơn hàng năm 2017 giảm sút nên việc thanh toán còn chậm trễ. Công ty P đang nỗ lực tìm kiếm khách hàng để duy trì hoạt động kinh doanh và trả nợ cho các nhà cung cấp. Đối với phần gốc và nợ lãi chậm thanh toán công ty P đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn . Tuy nhiên, công ty P yêu cầu được thanh toán dần tiền nợ hàng từ 02 năm đến 03 năm, mỗi tháng sẽ thanh toán 50.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An , tỉnh Bình Dương: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự ch ấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Ý kiến đối với nội dung vụ án: Căn cứ vào thỏa thuận tại Điều 5, 6 của Hợp đồng mà các bên đã giao kết có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện khởi kiện: Công M có đơn yêu cầu giải quyết về hợp đồng mua bán hàng hóa v ới công ty TNHH P; trụ sở: Đường số 10, tổng kho ngân hàng T , khu công nghiệp S , thị xã D, tỉnh B. Vì vậy, đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh ch ấp hợp đồng mua bán hàng hóa thu ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì "*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giả i quyết tranh ch ấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*". Kể từ thời điểm công tyP chậm thanh toán tiền hàng đợt đầu tiên theo Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 25/01/2017. Đến ngày 30/11/2017, công ty M khởi kiện công ty P yêu cầu thanh toán các khoản nợ trên nên thời hiệu giải quyết vụ án vẫn còn.

[3] Về tố tụng: Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án với sự tham gia của các đương sự.

[4] Về nội dung: Ngày 02/01/2016, công ty M ký hợp đồng nguyên t ắc số 352016/HĐNT-IT với công ty P. Theo hợp đồng, công ty M sẽ thực hiện theo các đơn đặt hàng của công ty P gửi đến từng lần đặt hàng yêu cầu cung cấp các loại hộp. Chi tiết hàng hóa, số lượng, giá cả và các điều khoản khác sẽ được chỉ rõ trong các Đơn đặt hàng tương ứng, Phương thức thanh toán; Tiền mặt hoặc chuyển khoản; thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên mua nhận đầy đủ hàng hóa và hóa đơn tài chính do bên bán phát hàng cho bên mua. Ngoài ra, hợp đồng còn thỏa thuận về quy cách , phẩm chất, đóng gói; nghiệm thu và quy định đổi trả hàng; trách nhiệm của các bên ; hiệu lực hợp đồng từ ngày 02/01/2016 đến hết ngày 31/12/2016, hết thời hạn trên, nếu các bên không có ý kiến gì thì Hợp đồng được tự động kéo dài 12 tháng tiếp theo và tối đa không quá 02 năm. Sau khi hợp đồng hết hạn , hai bên vẫn tiếp tục h ợp đồng với nhau đến tháng 5 năm 2017.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến trình bày của bị đơn thấy rằng : Hai bên đương sự đã thống nhất số nợ tiền hàng chưa thanh 801.239.127 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính là 45.588.489 đồng, đây là tình tiết không cần phải chứng minh . Đối với yêu cầu thanh toán nợ trả dần của bị đơn đề nghị được thanh toán số tiền nợ trên thành 16 đợt, mỗi tháng thanh toán số tiền 50.000.000 đồng. Xét yêu cầu này của bị đơn , tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn không chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

[6] Lời trình bày của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp như những phân tích nêu trên.

[7] Từ những phân tích nêu trên xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 50, 55 và Điều 306 Luật thương mại 2005; các Điều 30, 147, 227, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M với Công ty TNHH P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền nợ 846.827.616 đồng, trong đó bao gồm 801.239.127 đồng nợ gốc và 45.588.489 đồng nợ lãi do chậm thanh toán.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành ánchậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH P phải chịu 37.404.828 đồng. Công ty TNHH M không phải chịu . Hoàn trả cho công ty TNHH M số tiền 18.707.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018560 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Các đượng sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND TX Dĩ An;
- Thi hành án TX Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Thị Nguyệt Ánh**